Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
1.1. Tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
Tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ.	Nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model (nếu có) của hàng hóa dự thầu.	**Đạt**
	Nhà thầu không nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model (nếu có) của hàng hóa dự thầu.	**Không đạt**
1.2. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa.	a) Năm sản xuất: Hàng mới 100%, được sản xuất từ năm 2024 trờ về sau. b) Hàng hóa mà nhà thầu cung cấp có thông tin, thông số kỹ thuật hoàn toàn đáp ứng hoặc tốt hơn về thông tin, thông số kỹ thuật của hàng hóa nêu tại chương V của E-HSMT (*kèm theo tài liệu chứng minh hàng hoá hoàn toàn đáp ứng hoặc tốt hơn*). c) Có bảng kê so sánh nêu rõ thông số kỹ thuật, ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, nước sản xuất của từng loại hàng hóa dự thầu với thiết bị của E-HSMT. d) Đối với tivi Nhà thầu cung cấp đầy đủ cataloge hàng hoá có thông số kỹ thuật, ký mã hiệu, nhãn mác, nhà sản xuất của từng loại hàng hóa dự thầu. đ) Có cam kết hàng nhập khẩu cung cấp đầy đủ CO,CQ**,** Packing List. Hàng hoá sản xuất trong	**Đạt**

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	nước có Chứng nhận chất lượng xuất xưởng. e) Có cam kết cung cấp hàng hoá theo bản vẽ. Trong trường hợp Chủ đầu tư có thay đổi kiểu dáng thiết bị thì sẽ thương thảo trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.	
	- Không đáp ứng một trong các điều nêu trên.	**Không đạt**
2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa		
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa.	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, lắp đặt hàng hoá hợp lý, khả thi và hiệu quả kinh tế, phù hợp với tiến độ thực hiện.	**Đạt**
	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, lắp đặt hàng hoá hợp lý và hiệu quả kinh tế, phù hợp với tiến độ thực hiện.	**Không đạt**
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Tiến độ cung cấp hàng hóa: 30 ngày kèm theo bảng tiến độ cung cấp hàng hóa thể hiện chi tiết, cụ thể, đầy đủ các nội dung: tiến độ và thời gian cung cấp hàng hóa phù hợp với giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.	Tiến độ cung cấp hàng hóa ≤ 30 ngày và có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa thể hiện chi tiết, cụ thể, đầy đủ các nội dung: tiến độ và thời gian cung cấp hàng hóa phù hợp với giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.	**Đạt**
	Tiến độ cung cấp hàng hóa > 30 ngày hoặc Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không thể hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu	**Không đạt**

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa		
Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.	Có kèm theo cam kết đảm bảo cung cấp vật tư thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.	**Đạt**
	Không có cam kết kèm theo (kể cả sau khi làm rõ)	**Không đạt**
5. Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường		
Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường	Có cam kết hàng hoá được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường.	**Đạt**
	Không có cam kết hàng hoá được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường (kể cả sau khi làm rõ)	**Không đạt**
6. Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết		
Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết	Có nêu được Tác động đối với môi trường và biên pháp giải quyết hợp lý	**Đạt**
	Không Có nêu được Tác động đối với môi trường và biên pháp giải quyết hoặc có nêu nhưng không hợp lý	**Không đạt**
7. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
Nhà thầu phải trình bày được năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng: như chế độ bảo hành, bảo trì.	- Có đề xuất thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa hàng hóa vào sử dụng. - Thuyết minh đầy đủ, hợp lý kế hoạch bảo hành, bảo trì sản phẩm và cam kết bố trí đội ngũ nhân viên sửa chữa, sẵn sàng sửa chữa thay thế hàng hoá trong vòng 24	**Đạt**

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	giờ ngay khi có yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng. - Đề xuất nội dung bảo trì định kỳ ≤ 3 tháng/ lần trong thời gian bảo hành và sau khi bảo hành ≥ 12 tháng	
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	**Không đạt**
8. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu		
Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Nhà thầu không có vi phạm quy định Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và kèm theo bản cam kết của nhà thầu.	**Đạt**
	Nhà thầu có vi phạm quy định Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	**Không đạt**
Kết luận		

Ghi chú: Trường hợp catalogue (nếu có) nhà thầu đính kèm không thống nhất với thông tin nhà thầu dự thầu thì căn cứ theo catalogue để đánh giá thông số kỹ thuật của hàng hoá.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.